

CÔNG TY CP CẢNG QUY NHƠN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 214/BC- CQN

Bình Định, ngày 27 tháng 3 năm 2015

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN
Năm 2014**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát.

Tên gọi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Tên giao dịch: QUY NHƠN PORT JOINT STOCK COMPANY

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258793 do Sở KH&ĐT Bình Định cấp lần 2 ngày 01 tháng 11 năm 2013.

Vốn điều lệ: **404.099.500.000** đồng (Bốn trăm linh bốn tỷ không trăm chín mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **404.099.500.000** đồng (Bốn trăm linh bốn tỷ không trăm chín mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng)

Địa chỉ: 02 Phan Chu Trinh, tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (84.56) 3.892.363- Fax: (84.56) 3.891.783

Website: <http://www.quinhonport.com.vn>

Email: quinhonport@dng.vnn.vn

Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển.

Cảng Quy Nhơn được Bộ giao thông vận tải giao Cục đường biển trực tiếp quản lý tại quyết định số 222/QĐ/TC ngày 19 tháng 01 năm 1976. Ngày 02 tháng 7 năm 1993, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã có quyết định số 1332/QĐ-TCCB-LĐ thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Cảng Quy Nhơn trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam. Ngày 06/07/2009, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 1936/QĐ-BGTVT về việc chuyển Cảng Quy Nhơn về làm thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ngày 31 tháng 10 năm 2009, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã có Quyết định số 804/QĐ-HĐQT về việc chuyển Cảng Quy Nhơn- Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên Cảng Quy Nhơn.

Thực hiện chủ trương của Đảng – Nhà nước chuyển đổi mô hình sản xuất từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Với sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Công ty đã hoàn thành việc chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần. Ngày 22/7/2013, Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã có Quyết định số 336/QĐ-HHVN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cảng Quy Nhơn thành Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển	5222
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan	5210
3	Bốc xếp hàng hóa	5224
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, đại lý vận tải thủy bộ, vận tải đa phương thức.	5229
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu	4669
6	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng, dầu	4730
7	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí	2592
8	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cơ khí	2599
9	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
10	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải bộ	4520
11	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải thủy	3315
12	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa cầu cảng; Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng.	4290
14	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	4100
15	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ.	1629
16	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ ăn uống	5610
17	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển	4711

- Địa bàn kinh doanh:

Cảng Quy Nhơn nằm ở điểm đầu của Quốc lộ 19, gần quốc lộ 1A và quốc lộ 14, Cảng Quy Nhơn được xem là cửa ngõ ra biển Đông của khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, các nước trong tiểu vùng Mê Kông và của cả tuyến đường hành lang Kinh tế Đông-Tây. Cảng Quy Nhơn còn có lợi thế đặc biệt khi nằm sát tuyến đường hàng hải quốc tế, giữ vị trí trung tâm của các nước trong vùng Đông Nam Á và Đông Á, có trên 10 tuyến đường biển nối với các Cảng quốc tế như: Manila (Philippin), Singapore, Hong Kong, Cao Hùng (Đài Loan), Bangkok (Thái Lan), Tokyo (Nhật Bản), Vladivostok (Nga)... nên rất thuận tiện cho tàu biển nước ngoài ra vào.

+ Trụ sở hoạt động: 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (056) 3.892.363 Fax: (056) 3.3891.783

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

4.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy của Công ty gồm: Đại Hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, đơn vị trực thuộc trong Công ty.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Xây dựng trên nguyên tắc phân công quản lý theo chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

- Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện nay HĐQT của Công ty có 07 thành viên bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT; 06 thành viên HĐQT.

- Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám.

Tổng Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng quy định của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc hiện tại 01 Tổng Giám đốc điều hành chung, chịu trách nhiệm trước Pháp luật; 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác sản xuất, 01 Phó Tổng Giám đốc tham mưu nội chính cho Tổng Giám đốc.

- Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Cơ cấu Ban kiểm soát hiện nay bao gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên.

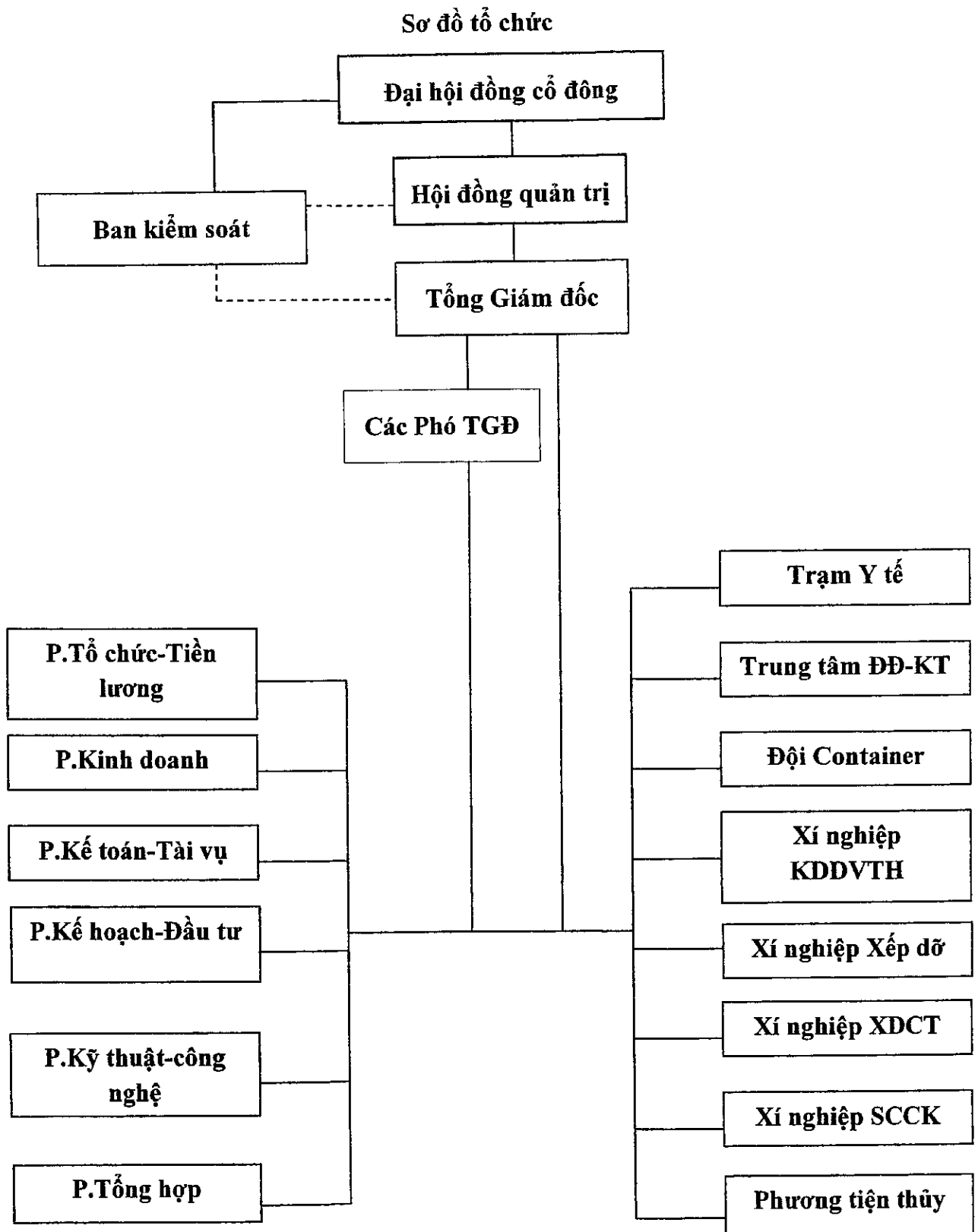
* Các phòng ban Công ty – Đơn vị sản xuất trực tiếp:

- Các phòng ban Công ty:

- + Phòng Tổ chức- Tiền lương
- + Phòng Kế toán- Tài vụ
- + Phòng Kỹ thuật- Công nghệ
- + Phòng Kế hoạch-Đầu tư
- + Phòng Tổng hợp
- + Phòng Kinh doanh
- + Trạm Y tế.

- Các đơn vị sản xuất:

- + Đội Container
- + Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp
- + Xí nghiệp Sửa chữa Cơ khí
- + Xí nghiệp Xây dựng Công trình
- + Xí nghiệp Xếp dỡ
- + Trung tâm Điều độ Khai thác.



5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Chính sách chất lượng của công ty:

“UY TÍN – CHẤT LƯỢNG – AN TOÀN – PHÁT TRIỂN”

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, nâng cao hiệu quả tổ chức điều hành, chất lượng sản phẩm và tiết kiệm chi phí sản xuất.

Là đơn vị nằm ở điểm đầu của Quốc lộ 19, nối liền quốc lộ 1A và quốc lộ 14, Cảng Quy Nhơn được xem là cửa ngõ ra biển Đông của khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, các nước trong tiểu vùng Mê Kông và của cả tuyến đường hành lang Kinh tế Đông-Tây. Cảng Quy Nhơn còn có lợi thế đặc biệt khi nằm sát tuyến đường hàng hải quốc tế, giữ vị trí trung tâm của các nước trong vùng Đông Nam Á và Đông Á, có trên 10 tuyến đường biển nối với các Cảng quốc tế như: Manila (Philippin), Singapore, Hong Kong, Cao Hùng (Đài Loan), Bangkok (Thái Lan), Tokyo (Nhật Bản), Vladivostok (Nga)... nên rất thuận tiện cho tàu biển nước ngoài ra vào.

Trong nhiều năm liền Cảng Quy Nhơn luôn là Cảng dẫn đầu khu vực miền Trung và đứng thứ ba toàn quốc về sản lượng hàng hóa thông qua, xác lập và giữ vững vai trò là Cảng biển quan trọng của tuyến hành lang kinh tế Đông –Tây, là cửa ngõ đầu mối giao thông quan trọng của khu vực miền Trung- Tây Nguyên.

Trong hệ thống Cảng biển Việt Nam, Cảng Quy Nhơn là Cảng được đánh giá là một trong những cảng biển có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Cảng Quy Nhơn là Cảng Tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực loại I của nhóm Cảng biển Nam Trung bộ, nằm trong Vịnh Quy Nhơn, có bán đảo Phương Mai che chắn, kín gió, thuận lợi cho tàu neo đậu và xếp dỡ hàng quanh năm. Luồng vào Cảng dài 9 km và cầu Cảng có độ sâu tự nhiên -11m (hải đồ) có thể tiếp nhận được các loại tàu đến 30.000 DWT ra vào bình thường và tàu 50.000 DWT (giảm tải). Cảng có cơ sở hạ tầng hoàn thiện với 6 cầu tàu (1A, 1B, 1C, 2, 3, 4) với tổng chiều dài 824 m; hệ thống luồng lạch, phao tiêu hoàn chỉnh, dẫn dắt tàu ra vào 24/24h, cùng hàng trăm thiết bị, phương tiện, công cụ xếp dỡ đã được trang bị đủ khả năng xếp dỡ tất cả các loại hàng rời, hàng Container, kể cả hàng siêu trường, siêu trọng. Hệ thống kho bãi được xây dựng quy mô theo tiêu chuẩn chất lượng cao được chia theo từng khu vực chuyên dùng, đảm bảo với điều kiện lưu kho, bảo quản xếp dỡ, vận chuyển cho từng loại hàng hóa. Ngoài ra, Cảng còn sử dụng hệ thống quản lý, điều hành theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008 và đã được Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận Cúp vàng ISO vào năm 2006.

Bên cạnh đó, Cảng Quy Nhơn còn được khách hàng tin nhiệm bởi phong cách làm việc linh hoạt, trách nhiệm và tính chuyên nghiệp trong việc xử lý khó khăn. Từ nhiều năm qua Cảng luôn được các chủ hàng, chủ tàu trong nước và quốc tế biết đến với năng suất, chất lượng cao, giải phóng tàu nhanh. Đó cũng chính là những yếu tố giúp Cảng Quy Nhơn nâng cao được khả năng cạnh tranh trên thị trường, khẳng định thương hiệu và giữ vững tốc độ tăng trưởng hàng năm. Sau khi chuyển đổi từ mô hình doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần, Cảng Quy Nhơn đã lập được những dấu mốc tăng trưởng ấn tượng. Nếu những năm 2000, sản lượng thông qua Cảng chỉ khoảng 1,4 triệu tấn thì đến năm 2009, con số này đạt trên 3,9 triệu tấn, năm 2010 đạt trên 4,5 triệu tấn; Năm 2011 sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt con số kỷ lục 5,5 triệu tấn, tăng 22% so với cùng kỳ; doanh thu đạt 346 tỷ đồng, tăng 21% so với kế hoạch, các chỉ tiêu về kinh tế, kỹ thuật và đời sống của CBCNV cũng không ngừng được tăng lên. Năm 2013, sản lượng hàng hóa thông qua Cảng hơn 6

triệu tấn. Đặc biệt năm 2014, Cảng Quy Nhơn đã xác lập kỷ lục mới với mức sản lượng thông qua Cảng hơn 7 triệu tấn.

Theo quy hoạch phát triển cảng biển Việt Nam đến năm 2020 do Thủ tướng chính phủ phê duyệt trong Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014, mục tiêu chung của việc quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển là nhằm “phát triển hệ thống cảng biển theo quy hoạch tổng thể và thống nhất trên cả nước nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tạo cơ sở vật chất kỹ thuật để nhanh chóng đưa nước ta vào hội nhập và đủ sức cạnh tranh trong hoạt động cảng biển... hình thành những đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng với quốc tế làm động lực phát triển các khu kinh tế, đô thị, công nghiệp ven biển”

Theo xu hướng hội nhập và phát triển, Cảng Quy Nhơn sẽ là cảng trọng điểm của khu vực Miền Trung, là đầu mối giao thương trong tuyến hành lang kinh tế Đông Tây, nối liền vùng kinh tế Miền Trung- Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Bắc Thái Lan đi ra biển. Dự kiến đến năm 2020 sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn đạt từ 15 triệu đến 18 triệu tấn/năm; giai đoạn đến 2030, sản lượng hàng hóa thông qua khoảng từ 25 triệu tấn đến 30 triệu tấn năm. Trong khi theo công suất thiết kế cầu bến hiện nay sản lượng thông qua Cảng Quy Nhơn là 2,2 triệu tấn/năm. Năm 2013 sản lượng hàng hóa thông qua Cảng trên 6 triệu tấn/năm và năm 2014 sản lượng hàng hóa thông qua Cảng đạt trên 7 triệu tấn/ năm đã vượt công suất thiết kế gần 3 lần. Để Cảng có đủ năng lực tiếp cận hàng hóa thông qua trong thời gian đến, Cảng Quy Nhơn đang xây dựng quy hoạch nâng cấp, mở rộng phát triển không gian Cảng Quy Nhơn nhằm đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa trong khu vực.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, công ty sẽ tập trung thực hiện các định hướng phát triển như sau:

- Cải tiến công tác quản lý theo mô hình công ty cổ phần để nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao sức mạnh cạnh tranh của công ty.
- Trong hoạt động kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, không ngừng ứng dụng công nghệ, ý kiến sáng tạo, tạo nên nhiều tiện ích đáp ứng nhu cầu khách hàng, tiến hành tái cơ cấu mô hình hoạt động nhằm phát triển kinh doanh theo hướng chuyên sâu.
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ có tính chuyên nghiệp cao, phát huy có hiệu quả nguồn lực tài chính và con người.
- Với hơn 80% khối lượng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam được vận chuyển bằng đường biển thông qua các cảng trong toàn quốc, ngành vận tải biển đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Tốc độ phát triển của ngành là khá cao, hứa hẹn nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong ngành, lượng hàng hóa thông qua Cảng Quy Nhơn đều tăng trưởng trong những năm gần đây khẳng định sự phù hợp với định hướng phát triển chung của đất nước.
- Căn cứ định hướng phát triển công ty sau khi chuyển sang công ty cổ phần, định hướng hoạt động đầu tư của Công ty sau khi cổ phần hóa trong những năm tiếp theo tập trung vào các nội dung sau:
 - Triển khai quy hoạch phát triển mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2020 định hướng đến năm 2030, sau khi được Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải phê duyệt

- Đầu tư về hạ tầng kho bãi, phương tiện, thiết bị công nghệ sản xuất đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất lao động và giải phóng tàu nhanh.

- Đầu tư xây dựng và ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các dự án đầu tư sau cổ phần hóa sẽ được xây dựng và triển khai phù hợp để đảm bảo hiệu quả khi tiến hành các bước đầu tư và sau khi hoàn thành dự án, cụ thể một số dự án đầu tư cho giai đoạn 2013-2017 như sau giai đoạn từ năm 2015 – 2017 sẽ tiếp tục triển khai thực hiện một số dự án theo kế hoạch 5 năm, cụ thể: lập dự án đầu tư mở rộng Cảng Quy Nhơn giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn sau năm 2030; tiếp tục triển khai đầu tư hệ thống điện hạ áp công suất 2000 kVA, đầu tư 01 tàu lai; cải tạo, sửa chữa mở rộng các nhà kho chứa hàng; nâng cấp hệ thống đường nội bộ, mặt bằng bãi hàng hóa; đầu tư mới thiết bị, công cụ xếp dỡ....

Các chiến lược khác:

Thứ nhất: Với chiến lược phát triển kinh doanh đa dạng ngành nghề, nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Thứ hai: Có chính sách đãi ngộ đầu tư phát triển đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho việc mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thứ ba: Thực hiện mở rộng phát triển khu vực sản xuất kinh doanh, tạo hướng phát triển lâu dài.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Công ty luôn tuân thủ cam kết thực hiện tốt chính sách môi trường trong sản xuất, đầu tư chi phí cho hệ thống xử lý nước thải, luôn vệ sinh nơi sản xuất sạch sẽ, thoáng mát và luôn lập kế hoạch nhằm đảm bảo môi trường sản xuất tốt nhất nhằm tránh rủi ro, độc hại cho công nhân viên.

- Đối với xã hội và cộng đồng Công ty luôn có trách nhiệm, gắn kết, chung tay góp sức cùng chính quyền, nhân dân địa phương vùng biển hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ các gia đình chính sách, gia đình khó khăn; hỗ trợ đồng bào vùng lũ lụt; nhận nuôi các mẹ Việt Nam anh hùng hàng trăm triệu đồng/năm.

6. Các rủi ro:

- Hoạt động kinh doanh của công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lạm phát và lãi suất, nếu lãi suất vay ngân hàng tăng thì chi phí lãi vay tăng làm giảm lợi nhuận từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi đơn giá làm các mặt hàng hóa. Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty.

- Các chính sách quản lý vĩ mô, các Luật, Nghị định của Chính phủ về quản lý khai thác Cảng biển thường xuyên thay đổi, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các rủi ro khác: do thiên tai, hỏa hoạn...là những rủi ro bất khả kháng tác động gây thiệt hại cho hoạt động của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014:

Năm 2014 là năm đánh dấu đầu tiên Cảng Quy Nhơn hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực chưa có dấu hiệu phục hồi tốt, nền kinh tế Việt Nam đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu lại bị ảnh hưởng xấu do sự kiện Trung Quốc đưa giàn khoan 981 vào đặt trái phép tại vùng biển Việt Nam. Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng vì thế bị ảnh hưởng giảm sút mạnh. Bên cạnh đó, năm 2014 nhà nước còn triển khai việc kiểm soát vận tải đúng tải trọng đã ảnh hưởng đến giá thành vận chuyển hàng hóa của chủ hàng, gây thiếu phương tiện vận chuyển ảnh hưởng đến công tác vận chuyển hàng hóa xuất nhập qua Cảng. Tuy nhiên nhờ có sự chủ động và nhận định được tình hình nên Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã điều hành hoạt động sản xuất của công ty đạt các chỉ tiêu được đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ % thực hiện/KH 2014
1	Tổng sản lượng	Tấn	6.300.000	7.005.789	111,20
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	482.377	497.858	103,2
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	447.276	453.041	101,29
4	LN trước thuế	Triệu đồng	35.000	44.817	128,05
5	LN sau thuế	Triệu đồng	27.379	35.104	128,22

Sản lượng thông qua tăng 11,2%, doanh thu tăng 3,2%, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế tăng tương ứng là 28,05% và 28,22%.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

*** Ông Nguyễn Hữu Phúc – Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty**

1. Sơ yếu lý lịch: Ông Nguyễn Hữu Phúc

- Sinh ngày 26 tháng 3 năm 1958

- Quê quán: Xã Mỹ Hiệp- Huyện Phù Mỹ- Tỉnh Bình Định

- Ngày vào Đảng: 06/9/1998. Ngày chính thức: 06/9/1999.

- Nơi ở hiện nay: 01- Đào Duy Từ- P.Trần Hưng Đạo- TP Quy Nhơn – Bình Định.

2. Trình độ:

- Chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Lý luận chính trị: cao cấp

- Ngoại ngữ: Anh văn B

3. Chức vụ hiện nay:

- Chính quyền: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

- Đảng: Bí thư đảng ủy;

4. Quá trình công tác:

- Từ 3/1971 – 4/1975 : Tham gia hoạt động cách mạng trong Đội du kích mật xã Mỹ Hiệp- Huyện Phù Mỹ;

- Từ tháng 5/1975- 9/1978: học văn hóa trường cấp 3 Quang Trung- Quy Nhơn;

- Từ tháng 10/1978- 01/1981: Được tuyển vào Công ty Đường biển và được cử đi học Trường Nghiệp vụ Hàng hải -Hải Phòng của Tổng cục đường biển;

- Từ tháng 02/1981- 12/1990: Thợ máy tàu biển- Công ty vận tải biển Nghĩa Bình;

- Từ tháng 01/1991- 9/1991: Máy III- Công ty vận tải biển- Xuất nhập khẩu Bình Định;

- Từ tháng 10/1991- 02/1996: Máy II- Công ty Hàng hải thương mại Bình Định;

- Từ tháng 3/1996- 11/1999: Máy I- Công ty Hàng hải thương mại Bình Định;

- Từ tháng 12/1999- 02/2000: Máy trưởng- Công ty Hàng hải thương mại Bình Định;

- Từ tháng 3/2000- 05/2007: Phó Giám đốc phụ trách Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp Cảng Quy Nhơn;

- Từ tháng 6/2007- 06/2010: Giám đốc xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp chi nhánh Cảng Quy Nhơn (nay là chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Cảng Quy Nhơn);

- Từ tháng 7/2010 – 3/2012 ĐUV – Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cảng Quy Nhơn.

- Từ tháng 3/2012 – 11/2013 Bí thư Đảng ủy, thành viên Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn.

- Từ tháng 11/2013 đến nay: Bí thư Đảng ủy, Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Cổ phần sở hữu cá nhân: 5.800 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,014%.

Cổ phần đại diện: 7.677.890 cổ phần- tỷ lệ sở hữu: 19%.

*** ông Lê Minh Tiến – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty**

1. Sơ yếu lý lịch:

- Họ và tên cán bộ: Lê Minh Tiến

- Ngày, tháng, năm sinh: Sinh ngày 02 tháng 8 năm 1959
- Quê quán: Phường Bùi Thị Xuân- TP Quy Nhơn- Tỉnh Bình Định
- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 15/5/1981. Ngày chính thức: 15/11/1982.
- Nơi ở hiện nay: 103/4- Trần Hưng Đạo- P.Hải Cảng- TP Quy Nhơn – Bình Định.

2. Trình độ:

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Trình độ lý luận chính trị: cao cấp
- Trình độ ngoại ngữ: Anh văn B

3. Chức vụ hiện nay:

- Chức vụ Đảng: Phó Bí thư Đảng ủy;
- Chức vụ chính quyền: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty.

4. Quá trình công tác:

Những công việc, chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể đã kinh qua và chức vụ hiện nay.

- Từ 9/1978 – 2/1979 : B2, a phó C12 D3 Đoàn 859-QK5;
- Từ 2/1979- 10/1979: B1 chiến sỹ liên lạc d3 Đoàn 578-QK5;
- 10/1979- 9/1980: H1 Nhân viên thống kê tổ chức Bộ chỉ huy quân sự TN T3-QK5;
- Từ 9/1980-9/1981: H2- Thống kê tổ chức Đoàn 5502- QK5,
- Từ 9/1981-8/1984: H3- học viên sơ cấp chính trị D34, Trường SQCHKT thông tin;
- Từ 8/1984-10/1985: Trung úy, chủ nhiệm lớp 7 D34 Trường SQCHKTTT; Bí thư chi bộ, đại đội huấn luyện d26.
- Từ 10/1985-10/1986: Trung úy, Phó đại đội trưởng chính trị C15 Phòng Hậu cần, Trường SQ; Bí thư chi bộ 15- Đảng bộ phòng Hậu cần trường SQCHKTTT;
- Từ 10/1986- 11/1987: Thượng úy, trợ lý cán bộ trường SQCHKT Thông tin-Bộ tư lệnh thông tin liên lạc;
- Từ 11/1987-10/1993: cán sự thi đua-khen thưởng Phòng Tổ chức tiền lương Cảng Quy Nhơn; Bí thư Đoàn cơ sở Cảng Quy Nhơn;
- Từ 10/1993-10/1998: Trưởng Phòng hành chính quản trị Cảng Quy Nhơn; Đảng ủy viên, chủ nhiệm UBKT Đảng ủy Cảng Quy Nhơn;
- Từ 10/1998-01/2002: Trưởng phòng thanh tra - bảo vệ quân sự Cảng Quy Nhơn; Ủy viên ban thường vụ- Ủy viên ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối Doanh nghiệp;
- Từ tháng 01/2002-3/2005: Giám đốc xí nghiệp xếp dỡ II Cảng Quy Nhơn; Ủy viên Ban thường vụ, chủ tịch công đoàn cơ sở Cảng Quy Nhơn;

- Từ 3/2005 đến 5/2010 là Trưởng Trung tâm điều độ khai thác Cảng Quy Nhơn. Phó bí thư đảng ủy, UVBCH công đoàn Cục hàng hải Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn Cảng Quy Nhơn.

- Từ tháng 6/2010 đến tháng 11/2013: thành viên HĐQT công ty, Phó tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn, ủy viên BCH Đảng bộ khối DN tỉnh, phó bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội cựu chiến binh công ty.

- Từ tháng 11/2013 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị- Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Cổ phần sở hữu cá nhân: 5.400 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,013%.

Cổ phần đại diện: 4.849.194 cổ phần- tỷ lệ sở hữu: 12%.

*** ông Huỳnh Tấn Quy Nhơn – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty**

1. Sơ yếu lý lịch:

- Họ và tên cán bộ: Huỳnh Tấn Quy Nhơn
- Ngày, tháng, năm sinh: Sinh ngày 01 tháng 8 năm 1975
- Quê quán: Thị trấn Ngô Mỹ- Huyện Phù Cát- Tỉnh Bình Định
- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 18/8/2006. Ngày chính thức: 18/8/2007.
- Nơi ở hiện nay: 01 Đường Cao Thắng- Phường Lê Lợi- TP Quy Nhơn – Bình Định.

2. Trình độ:

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp.
- Trình độ ngoại ngữ: trình độ B Anh văn.

3. Chức vụ hiện nay:

- Chức vụ Đảng: UVTV Đảng ủy.
- Chức vụ chính quyền: Thành viên HĐQT, Phó TGD.

4. Quá trình công tác:

Những công việc, chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể đã kinh qua và chức vụ hiện nay.

- Từ 9/1998-10/1999: Chuyên viên Phòng Kinh doanh Công ty TNHH Ưu Việt TP Hồ Chí Minh;

- Từ 10/1999- 12/2004: Chuyên viên Phòng Kế toán Chi nhánh Công ty lương thực và Công nghiệp thực phẩm Quy Nhơn;

- Từ 01/2005- 5/2007: chuyên viên kế hoạch Phòng Kế hoạch- Thương vụ Cảng Quy Nhơn;

- Từ 6/2007- 8/2008: Phó phòng Kế hoạch-Thương vụ Cảng Quy Nhơn;

- Từ 8/2008 đến tháng 7/2010 : Phó trưởng phòng Phụ trách Phòng Thương vụ - Hàng hóa Cảng Quy Nhơn. Bí thư chi bộ 2.

- Từ tháng 3/2013 là thành viên Hội đồng thành viên – Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cảng Quy Nhơn.

- Từ tháng 11/2013 đến nay là thành viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Cổ phần sở hữu cá nhân: 18.200 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,045%.

Cổ phần đại diện: 4.849.194 cổ phần- tỷ lệ sở hữu: 12%.

*** ông Nguyễn Kim Toàn – Quyền Kế toán trưởng Công ty**

1. Sơ yếu lý lịch:

- Họ và tên cán bộ: Nguyễn Kim Toàn

- Ngày, tháng, năm sinh: Sinh ngày 12 tháng 3 năm 1975

- Quê quán: Xã Mỹ Trinh- Huyện Phù Mỹ - Tỉnh Bình Định

- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: Ngày chính thức:

- Nơi ở hiện nay: Số nhà 20, đường Ngô Tất Tố, TP Quy Nhơn – Bình Định.

2. Trình độ:

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế kỹ thuật

- Trình độ lý luận chính trị: Sơ cấp

- Trình độ ngoại ngữ: trình độ B Anh văn.

3. Chức vụ hiện nay:

- Chức vụ Đảng: không

- Chức vụ chính quyền: Quyền Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

4. Quá trình công tác:

Những công việc, chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể đã kinh qua và chức vụ hiện nay.

Từ tháng 03/1999 đến tháng 02/2009: Chuyên viên kế toán tổng hợp tại CN Công ty CP Vicem VLXD Xây lắp Đà Nẵng.

Từ tháng 03/2009 đến tháng 02/2010: Kế toán trưởng tại CN Công ty CP Vicem VLXD Xây lắp Đà Nẵng.

Từ tháng 3/2010 đến tháng 8/2012: Kế toán trưởng FPT TELECOM Bình Định

Từ tháng 09/2012 đến tháng 03/2013: Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Quy Nhơn.

Từ tháng 04/2013 -11/2013: Phó phòng kế toán phụ trách kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn.

Từ tháng 11/2013 đến nay: Quyền Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Cổ phần sở hữu cá nhân: 8.000 cổ phần – tỷ lệ sở hữu: 0,020%.

2.2. Những thay đổi Ban điều hành: Không

2.3. Số lượng cán bộ công nhân viên:

Diễn biến	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ %
Tổng số lao động (người)	826	834	101%
Thu nhập BQ (đồng/người/tháng)	15.500.000	15.920.301	102,7%

Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của nhà nước về lao động, lương, bảo hiểm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2014, tổng giá trị đầu tư đạt 27,8 tỷ đồng, với các hạng mục chủ yếu: nâng cấp bãi chứa hàng (giai đoạn 2), nâng cấp, mở rộng bãi hàng container; mở rộng diện tích các kho, lập dự án đầu tư hệ thống điện hạ áp 2.000 KVA, mua mới 02 xe đầu kéo, 01 xe nâng, thiết bị sửa chữa cơ khí, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý khai thác hàng container, chế tạo các loại công cụ sản xuất. Nâng cấp các cầu cảng của Cảng Quy Nhơn và công bố thông số kỹ thuật để tiếp nhận các tàu hàng đến 50.000 DWT (giảm tải).

Kết quả hoạt động đầu tư được thể hiện qua bảng sau:

TT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Năm 2014		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
I	Xây dựng cơ bản	Triệu đồng	30.000	19.648	65,49
II	Phương tiện thiết bị, phần mềm	Triệu đồng	20.000	8.245	41,22
	Tổng cộng		50.000	27.893	55,78

Giá trị đầu tư đạt 55,78% so với kế hoạch đề ra do dự án đầu tư tàu lai dắt công suất 4000HP đã được Hội đồng quản trị quyết định hoãn thời gian đầu tư sau năm 2015, một số hạng mục công trình xây dựng chuyển tiếp từ 2014 tiếp tục được thực hiện trong năm 2015.

Công tác triển khai dự án được thực hiện đầy đủ các bước, đúng trình tự và quy định của các văn bản luật có liên quan, tuân thủ đúng các quy trình, quy định về đầu tư, về tổ chức thi công, lắp đặt, đào tạo, nghiệm thu; bảo đảm an toàn lao động, an toàn thiết bị, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và chất lượng kỹ thuật công trình.

Các hạng mục, công trình do Cảng Quy Nhơn làm chủ đầu tư được Ban Tổng giám đốc kịp thời chỉ đạo đơn đốc về tiến độ, giám sát chặt chẽ về chất lượng và nhanh chóng giải

quyết, tháo gỡ những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện. Vì vậy, đã đảm bảo được chất lượng trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, và phát huy hiệu quả sau khi hoàn thành và đưa vào sử dụng.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không

4 Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tháng 11-12 Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
Tổng giá trị tài sản	468.978.361.404	476.182.138.732	
Doanh thu thuần	63.763.913.300	497.858.860.459	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.419.451.819	42.644.295.266	
Lợi nhuận khác	55.839.752	2.173.146.517	
Lợi nhuận trước thuế	3.475.291.571	44.817.441.783	
Lợi nhuận sau thuế	2.606.468.678	35.104.078.504	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	64	869	

(trích nguồn số liệu từ báo cáo tài chính đã kiểm toán của công ty)

Do các chỉ tiêu tài chính của năm 2013 khi chuyển sang công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 01/11/2013 và kết thúc ngày 31/12/2013 (2 tháng) nên không thể so sánh các chỉ tiêu năm tài chính 2014

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- TSCĐ/ Tổng số tài sản	%	69,25	59,62
- TS lưu động/ Tổng số Tài Sản	%	26,32	34,56
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	13,26	7,22
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	86,74	92,78
2. Khả năng thanh toán nhanh			
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	7,54	13,85
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,98	4,79
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,51	1,86
- Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần		
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	5,73	9,15
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	4,29	7,17
3.2 Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	5,98	9,41

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	4,48	7,37
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH ROE	%	5,16	8,69

(Số liệu năm 2013 tính tổng 10 tháng hoạt động mô hình Công ty TNHH một thành viên và 02 tháng hoạt động theo mô hình công ty cổ phần)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 40.409.950 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 đ/CP

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 35.630.350 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo Điều lệ công ty:

+ Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng 5 năm: 4.041.000 cổ phần

+ Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng 3 năm: 738.600 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông :

Tình hình cơ cấu Cổ đông của Công ty CP Cảng Quy Nhơn được tổng hợp theo danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2014 như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1. Số lượng cổ đông	987	40.409.950	
2. Cổ đông lớn (sở hữu >5% tổng số CP)	2		
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1	30.312.262	75,01
Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	1	4.533.924	11,22
3. Cổ đông tổ chức	6	35.907.232	88,85
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1	30.312.262	75,01
Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	1	4.533.924	11,22
Công ty cổ phần Xếp dỡ và dịch vụ Cảng Sài Gòn	1	50.000	0,12
Công ty cổ phần Đầu tư phân phối SATICO	1	190.000	0,47
Công ty cổ phần Vật tư Nông Sản	1	746.046	1,85
Tổ chức khác	1	75.000	0,19
4. Cổ đông cá nhân	981	4.502.718	11,15
5. Cổ đông trong nước	987	40.409.950	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014:

Năm 2014 là năm đánh dấu đầu tiên Cảng Quy Nhơn hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực chưa có dấu hiệu phục hồi tốt, nền kinh tế Việt Nam đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu lại bị ảnh hưởng xấu do sự kiện Trung Quốc đưa giàn khoan 981 vào đặt trái phép tại vùng biển Việt Nam. Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng vì thế bị ảnh hưởng giảm sút mạnh. Bên cạnh đó, năm 2014 nhà nước còn triển khai việc kiểm soát vận tải đúng tải trọng đã ảnh hưởng đến giá thành vận chuyển hàng hóa của chủ hàng, gây thiếu phương tiện vận chuyển ảnh hưởng đến công tác vận chuyển hàng hóa xuất nhập qua Cảng. Trong khi đó, các chỉ tiêu SXKD năm 2014 do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao đều tăng cao so với năm 2013, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận giao tăng gần 30% so với năm 2013. Trong điều kiện hết sức khó khăn, Ban Tổng giám đốc công ty đã đề ra các giải pháp phù hợp nhằm điều hành công ty hoàn thành vượt mức xuất sắc các chỉ tiêu được giao.

Về công tác tổ chức:

Đã tiến hành hoàn thiện lại các phòng ban đơn vị và xây dựng lại chức năng, nhiệm vụ phù hợp để tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng công tác tham mưu, quản lý. Chỉ đạo xây dựng hoàn thiện lại toàn bộ hệ thống văn bản, các quy chế, quy định phù hợp với mô hình công ty cổ phần để quản lý, điều hành tốt công ty. Đặc biệt, đã mạnh dạn trình Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng cho CB-CNV Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn tạo được động lực trong CB-CNV, từ đó nâng cao năng suất xếp dỡ, giải phóng tàu nhanh. Tiếp tục duy trì và hoàn thiện mô hình quản lý 02 Đội bốc xếp, từ đó đảm bảo nhu cầu nhân lực cho hoạt động khai thác, giải phóng tàu.

Về công tác thương vụ, hàng hóa và marketing.

Đã đề ra các chính sách phù hợp, ban hành phương án Marketing để giữ khách hàng truyền thống và thu hút nhiều khách hàng mới đến với cảng. Trên cơ sở các khách hàng hiện hữu năm 2013, trong năm 2014 đã thu hút thêm gần 60 khách hàng mới và mời gọi quay lại Cảng 25 khách hàng cũ đã sang cảng khác trong nhiều năm qua. Kết quả trong năm 2014 Cảng có khoảng 300 khách hàng, tăng 40% so với năm 2013. Đặc biệt về lĩnh vực container, trong năm 2014 đã tiếp xúc, thương thảo thêm 04 hãng tàu mở tuyến tại Cảng, trong đó hãng tàu Yang Ming sẽ bắt đầu mở tuyến Đông Bắc Á vào tháng 1/2015, chính thức lần đầu tiên tại Cảng Quy Nhơn có tuyến hàng container trực tiếp mà không cần chuyển tải tại Cảng trung chuyển quốc tế Sin hoặc TPP (Malaysia)

Về công tác hàng hóa, Trong năm 2014, sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt 7.005.789 tấn, tăng 12,1% so với năm 2013, trong đó ấn tượng là hàng container khi lần đầu tiên sản lượng hàng container thông qua cảng đạt 86.766 tues, tăng 43% so với năm 2013. Số lượng hợp đồng năm 2014 đạt khoảng 1.040 hợp đồng, tăng 5% so với năm 2013.

Để khắc phục việc giảm tải theo quy định nhà nước sẽ tăng chi phí của khách hàng, Ban điều hành đã chủ động làm việc với các Công ty vận tải, đề xuất mức chi phí tăng hợp lý đảm bảo vấn đề lợi nhuận cho khách hàng. Đồng thời đã làm đầu mối trung gian giữa các Công ty xuất khẩu hàng hóa trong việc đề nghị các chủ hàng thuê chung tàu lớn vận chuyển để giảm chi phí vận chuyển, tăng hiệu quả cho công tác xuất khẩu.

Về công tác tổ chức điều hành khai thác xếp dỡ

Ban điều hành luôn đi nắm bắt, sâu sát công việc hàng ngày nên kịp thời chỉ đạo tổ chức tốt công tác xếp dỡ giải phóng tàu nhanh. Bố trí cầu bến hợp lý, chỉ đạo các lực lượng tham gia sản xuất tổ chức giao ca triển khai sản xuất tại hiện trường; bố trí nhân lực hợp lý, tận dụng mọi thời gian hữu ích để giải phóng tàu nên tốc độ giải phóng tàu, năng xuất xếp dỡ tăng cao. Cảng Quy Nhơn được khách hàng gần xa công nhận có chất lượng phục vụ và năng suất xếp dỡ cao nhất trong hệ thống Cảng biển Việt Nam.

Về công tác khoa học kỹ thuật và công nghệ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng

Thường xuyên phát động thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm giảm tiêu hao nguyên nhiên vật liệu và thực hiện có hiệu quả chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Chỉ đạo các phòng ban chức năng nghiên cứu chế tạo các băng chuyền phục vụ làm hàng tại cầu tàu và kho, bãi Cảng, làm giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho Công ty.

Thực hiện chủ trương của các cấp, ngành về thực hành tiết kiệm chống lãng phí, bản thân đã kịp thời quán triệt và triển khai thực hiện các chỉ thị, chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng của cấp trên; ban hành mới quy định trong việc sử dụng điện nước, chi phí văn phòng và định mức nhiên liệu cho các thiết bị sản xuất. Tổng giá trị tiết kiệm, tiết giảm chi phí làm lợi cho công ty trong năm 2014 khoảng 3,5 tỷ đồng;

Về công tác tuyên truyền- thi đua khen thưởng, chăm lo đời sống CBCNV và hoạt động xã hội

Kịp thời phổ biến và tuyên truyền các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, đường lối, chính sách của Nhà nước đến từng CBCNV trong doanh nghiệp.

Đã chỉ đạo Hội đồng thi đua, khen thưởng Công ty tiến hành phát động, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua. Biểu dương, khen thưởng, động viên kịp thời và nhân rộng các điển hình tiên tiến; Trong năm đã chỉ đạo phát động 3 đợt thi đua, đã có 69 lượt Tập thể và 492 CBCNV đạt thành tích xuất sắc được khen thưởng. Tổng số tiền trích khen thưởng là 168 triệu đồng. Các phong trào thi đua đã góp phần thúc đẩy, động viên CBCNV đoàn kết cùng nhau hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2014. Trong năm công ty đã trích 872 triệu đồng để ủng hộ các hoạt động từ thiện xã hội.

Về công tác đảm bảo ATVSLĐ cho người lao động

Đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn xây dựng đầy đủ các chương trình BHLĐ, ATVSLĐ để thực hiện. Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động trong quá trình làm việc. Cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động trong quá trình làm việc để không xảy ra tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Kết quả trong năm 2014 không có tai nạn lao động nặng, nghiêm trọng, không có CB-CNV mắc bệnh nghề nghiệp.

Kết quả Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được cấp trên giao, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tỷ lệ % thực hiện/KH 2014
1	Tổng sản lượng	Tấn	6.300.000	7.005.789	111,20

2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	482.377	497.858	103,2
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	447.276	453.041	101,29
4	LN trước thuế	Triệu đồng	35.000	44.817	128,05
5	LN sau thuế	Triệu đồng	27.379	35.104	128,22

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản

(Đơn vị tính: đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ % so với năm trước
A	Tổng tài sản	468.978.361.404	476.182.138.732	101,53%
1	Tài sản lưu động	123.488.467.165	164.551.821.551	133,25%
	-Vốn bằng tiền, tương đương tiền	31.674.673.767	63.972.749.125	201,96%
2	Tài sản dài hạn	345.489.894.239	311.630.317.181	90,19%
	Tài sản cố định	324.722.936.088	283.879.166.653	87,42%
	- Nguyên giá TSCĐ	827.204.506.051	848.647.769.655	102,59%
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(506.633.048.363)	(565.947.083.731)	111,70%
	- Chi phí XDCB dở dang	4.151.478.400	1.178.480.729	28,38%
	- Đầu tư tài chính dài hạn	19.467.920.000	27.075.920.000	139,07%
	- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	2.200.000	7.200.000	327,27%
B	Tổng nguồn vốn	468.978.361.404	476.182.138.732	101,53%
1	Nợ ngắn hạn	62.272.392.725	34.372.091.549	55,19%
2	Nợ dài hạn			
3	Vốn chủ sở hữu	406.705.968.679	441.810.047.183	109%
	- Vốn cố định	404.099.500.000	404.099.500.000	100%
	- Quỹ đầu tư phát triển			
	- Quỹ dự phòng tài chính			
	- Lợi nhuận chưa phân phối	2.606.468.679	37.710.547.183	1.447%
C	Kết quả kinh doanh			
	- Sản lượng sản phẩm chủ yếu (tấn)	6.250.000	7.005.789	112,09%
	- Tổng doanh thu	63.763.913.300	497.858.860.459	
	- Tổng chi phí	60.288.621.729	453.041.418.676	
	- Tổng lãi trước thuế	3.475.291.571	44.817.441.783	

D	Lao động (người)	826	834
----------	---------------------------	------------	------------

b. Tình hình nợ phải trả: Không có

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Các biện pháp quản lý: Công ty ban hành các quy chế quản trị, điều hành hoạt động SXKD của Công ty gồm: Quy chế tổ chức Hội nghị người lao động, Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế đối thoại, Quy chế tài chính, Quy chế tổ chức bộ máy, Quy chế trả lương, trả thưởng, Quy chế Quản trị Công ty, Quy chế Công bố Thông tin, Quy chế Thi đua khen thưởng, Quy chế phối hợp hoạt động giữa HĐQT – Ban Tổng Giám đốc với Đảng uỷ, Công đoàn..., qua đó làm cơ sở cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo đúng Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo tốt yêu cầu quản trị Công ty đề ra.

- Công ty ban hành các bảng định mức sản lượng, tiền lương và tăng cường kiểm tra kiểm soát, công tác tổ chức, công tác điều hành quản lý chung và công tác điều hành quản lý trực tiếp tại các đơn vị sản xuất, các Xí nghiệp và các phòng ban chuyên môn. Gắn kỷ luật lao động với năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả của từng công việc, nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công tác quản lý tài chính: tích cực thu hồi công nợ của khách hàng nợ quá hạn, linh hoạt và thận trọng trong sử dụng vốn tránh được lãng phí, thất thoát.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.
- Đầu tư về hạ tầng kho bãi, mở rộng tuyến cầu tàu 50.000DWT, phương tiện thiết bị công nghệ sản xuất đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất lao động và giải phóng tàu nhanh.
- Đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ phần mềm thông tin trong quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh như: Quản lý nhân sự tiền lương, Phần mềm CTOS
- Duy trì, nâng cao chất lượng các dịch vụ của Công ty, linh hoạt giữ khách hàng để nâng cao doanh thu, lợi nhuận hướng tới mục tiêu trả cổ tức cao cho các cổ đông, đồng thời tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao thu nhập đảm bảo đời sống cho người lao động.
- Đầu tư sửa chữa thay thế các thiết bị, tài sản cần thiết phục vụ trong sản xuất kinh doanh để tăng hiệu quả lao động.

5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán: Không

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Trong tình hình kinh tế khó khăn như hiện nay, song được sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương, sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Cảng Quy Nhơn đã khắc phục các khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch đặt ra trong năm và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tài chính của công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành.

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc. Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công tác và giao kế hoạch công tác tháng đến.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ công ty, quy định của Pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhiệm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

- Công tác Marketing, phát triển thị trường được thực hiện một cách có hiệu quả; thị trường trọng điểm, khách hàng truyền thống của Công ty được giữ vững. Trong năm 2014 đã thu hút thêm gần 60 khách hàng mới và mời gọi quay lại Cảng 25 khách hàng cũ đã sang cảng khác trong nhiều năm qua. Kết quả trong năm 2014 Cảng có khoảng 300 khách hàng, tăng 40% so với năm 2013.

- Chất lượng dịch vụ của Công ty luôn ổn định và có chất lượng cao, được khách hàng tín nhiệm.

- Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

- Chấp hành tốt các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty trong quá trình điều hành công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Nắm bắt chặt chẽ, theo sát diễn biến thị trường để có những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với tình hình, đưa ra những định hướng phát triển đúng đắn, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua.

- Tiếp tục thực hiện việc thoái vốn của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn theo chỉ đạo của cấp trên. Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của công ty nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị doanh nghiệp của Công ty đại chúng; chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty.

- Xem xét đánh giá kỹ các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản trước khi triển khai nhằm đảm bảo tính hiệu quả của việc thực hiện dự án, phát huy tốt nhất việc sử dụng đồng vốn. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thực hiện công tác mời thầu, đấu thầu, chấm thầu đúng quy định Nhà nước; quản lý chặt chẽ quá trình triển khai thi công của nhà thầu nhằm đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, để đưa công trình vào sử dụng đúng mục đích.

- Có kế hoạch phân kỳ đầu tư dự án mở rộng và phát triển Cảng Quy Nhơn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được cấp trên phê duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua Cảng trong thời gian đến.

- Tiếp tục hoàn thiện, ban hành mới các quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Chú trọng xem xét giá thành các dịch vụ nhằm có chiến lược kinh doanh hiệu quả.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương xứng với công sức và trình độ; đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn tay nghề cao.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Cổ phần sở hữu cá nhân (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu	Cổ phần đại diện (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu	Chức vụ tại công ty khác	Ghi chú
1	Nguyễn Quý Hà	Chủ tịch HĐQT	4.900	0,012%	8.086.790	20,01%	Không	
2	Nguyễn Hữu Phúc	TVHĐQT	5.800	0,014%	7.677.890	19%	Chủ tịch HĐQT công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	
3	Lê Minh Tiến	TVHĐQT	5.400	0,013%	4.849.194	12%	Không	
4	Huỳnh Tấn Quy Nhơn	TVHĐQT	18.200	0,045%	4.849.194	12%	Không	
5	Trần Hoài Nam	TVHĐQT	43.900	0,108%	4.849.194	12%	Không	
6	Phạm Xuân Quốc	TVHĐQT					Phó TGĐ Công ty CP Khoáng sản và năng lượng An Phú	Thành viên độc lập
7	Lê Hồng Thái	TVHĐQT					Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	Thành viên độc lập

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Tính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 Hội đồng quản trị tổ chức 04 cuộc họp và lấy 05 ý kiến bằng văn bản. Các phiên họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng. Nội dung các cuộc họp đều mang tính thời sự và thiết thực kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong các phiên họp, các thành viên Hội đồng quản trị đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao. Một số phiên họp căn cứ vào tính chất và nội dung từng cuộc họp có mời Trưởng ban kiểm soát tham dự. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Cụ thể các thành viên Hội đồng quản trị đã tham dự họp/cho ý kiến biểu quyết như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp/ cho ý kiến biểu quyết tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Quý Hà	Chủ tịch HĐQT	9/9	100%	
2	Ông Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
3	Ông Lê Minh Tiến	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
4	Ông Huỳnh Tấn Quy Nhơn	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
5	Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
6	Ông Phạm Xuân Quốc	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
7	Ông Lê Hồng Thái	Thành viên HĐQT	7/9	77,8%	Bị trễ chuyên bay

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Ngày họp HĐQT	Số Nghị quyết/ Quyết định/ Công văn	Ngày	Nội dung
1		01/QĐ-HĐQT	04/01/2014	QĐ v/v thay đổi tên gọi đơn vị trực thuộc
2		02/CQN-HĐQT	07/02/2014	Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2014
3		03/CQN-HĐQT	11/02/2014	V/v Nâng lương sớm cho CB-CNV
4	21/02/2014	05/NQ-HĐQT	04/3/2014	Thông qua kế hoạch khấu hao TSCĐ năm 2014

5		06/NQ-HĐQT	04/3/2014	Thông qua kế hoạch SXKD quý I năm 2014
6		07/NQ-HĐQT	05/3/2014	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
7		08/NQ-HĐQT	05/3/2014	Phân công nhiệm vụ trong HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
8		09/NQ-HĐQT	11/3/2014	Thay đổi tên gọi các đơn vị trực thuộc và thông qua Quy chế tổ chức bộ máy Công ty CP Cảng Quy Nhơn
9		11/NQ-HĐQT	14/3/2014	Thực hiện kết luận cuộc họp HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn ngày 21/02/2014
10		12/NQ-HĐQT	15/3/2014	Thay đổi tên gọi các đơn vị trực thuộc và thông qua Quy chế tổ chức bộ máy Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (thay cho NQ số 09/NQ-HĐQT ngày 11/3/2014
11		13/QĐ-CQN	17/3/2014	QĐ ban hành quy chế tổ chức bộ máy Cty CP Cảng Quy Nhơn
12		14/CQN-HĐQT	07/04/2014	Lấy ý kiến thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Quy Nhơn - Nội dung 1: Thông qua báo cáo thường niên Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn năm 2013 - Nội dung 2: Thông qua đề nghị về việc bổ nhiệm cán bộ theo nội dung tờ trình số 180/TTr-CQN ngày 03/4/2014 của Tổng Giám đốc Công ty.
13		15/NQ-HĐQT	11/4/2014	Thông qua báo cáo thường niên Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn năm 2013
14		16/NQ-HĐQT	11/4/2014	Nghị quyết v/v bổ nhiệm cán bộ
15		19/TTr-CQN	20/5/2014	V/v Báo cáo không tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên năm 2014
16	14/5/2014	20/NQ-HĐQT	21/5/2014	Thông qua kế hoạch SXKD quý II năm 2014
17		21/NQ-HĐQT	21/5/2014	Thông qua báo cáo tài chính tổng hợp

18		22/NQ-HĐQT	22/5/2014	Thông qua Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
19		23/NQ-HĐQT	22/5/2014	Ban hành Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
20		24/CQN-HĐQT	04/6/2014	Lấy ý kiến thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn - Nội dung 1: V/v không tham gia góp vốn vào trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines - Nội dung 2: V/v đầu tư mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải (INESCO)
21		25/NQ-HĐQT	10/6/2014	Đầu tư mua cổ phần tại Công ty CP dịch vụ CN Hàng hải
22		26/CQN	19/6/2014	V/v không tham gia góp vốn vào trường CD nghề HH Vinalines
23		27/CQN-HĐQT	09/7/2014	V/v báo cáo các nội dung theo công văn số 2322/HHVN-DCTT ngày 02/7/2014
24		29/TTr-HĐQT	24/7/2014	V/v nâng bậc lương cho Tổng Giám đốc Công ty
25		30/TTr-HĐQT	24/7/2014	V/v thông qua thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS 2 tháng cuối năm 2013 và 12 tháng năm 2014
26		31/TTr-HĐQT	24/7/2014	V/v Thông qua chỉnh sửa, bổ sung 1 số nội dung quy chế trả lương trả thưởng cho CB-CNV
27	24/7/2014	32/NQ-HĐQT	30/7/2014	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III năm 2014
28		33/NQ-HĐQT	30/7/2014	Thông qua báo cáo tài chính tổng hợp Quý II năm 2014
29		34/NQ-HĐQT	31/7/2014	V/v thông qua tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS 2 tháng cuối năm 2013 và 12 tháng năm 2014
30		35/NQ-HĐQT	31/7/2014	Thông qua chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung Quy chế trả lương, trả thưởng cho CB-CNV, thông qua việc ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng cho

31		36/NQ-HĐQT	31/7/2014	V/v nâng bậc lương cho ông Nguyễn Hữu Phúc- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
32		37/QĐ-HĐQT	01/8/2014	Ban hành quy chế trả lương, trả thưởng cho CB-CNV Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
33		38/QĐ-HĐQT	01/8/2014	Ban hành quy chế tài chính Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
34		39/QĐ-HĐQT	01/8/2014	Hỗ trợ xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định thực hiện xây dựng nông thôn mới
35		40/NQ-HĐQT	01/8/2014	Nghị Quyết Hội đồng Quản trị về việc đầu tư mua 20 xe đầu kéo sơ mi rơ mooc phục vụ vận tải hàng hóa
36				Các nội dung khác được thông qua tại cuộc họp: - Thông qua thù lao, tiền thưởng của HĐQT, Ban kiểm soát 02 tháng cuối năm 2013 và 12 tháng năm 2014. - Thông qua kết quả mua đấu giá CP Công ty CP DVCN hàng hải (Inesco)
37		41/CQN-HĐQT	05/8/2014	V/v phúc đáp thư công tác số 01/2014-TCT
38		43/CQN-HĐQT	20/8/2014	Lấy ý kiến thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn. - Phương án chuyển nhượng vốn của Tổng công ty HHVN tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn. - Thông báo cho cổ đông sáng lập Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn và việc chuyển nhượng vốn của Tổng Công ty HHVN tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
39		44/NQ-HĐQT	27/8/2014	Nghị Quyết Hội đồng Quản trị về việc chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
40		45/CQN-HĐQT	27/8/2014	Chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng Công ty HHVN tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn (Cổ đông sáng lập)

41		46/CQN-HĐQT	03/9/2014	Chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng Công ty HHVN tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn (Tổng công ty)
42	24/10/2014	50/NQ-HĐQT	28/10/2014	Thuê tư vấn thực hiện lưu ký chứng khoán và công bố thông tin Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
43		51/NQ-HĐQT	31/10/2014	Nghị Quyết Hội đồng Quản trị về việc thông qua kế hoạch SXKD Quý IV năm 2014.
44		52/NQ-HĐQT	31/10/2014	Điều chỉnh bổ sung một số điều trong Quy chế trả lương, trả thưởng cho CB-CNV Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
45		53/NQ-HĐQT	31/10/2014	Nghị Quyết Hội đồng Quản trị về việc thông qua báo cáo tài chính tổng hợp Quý III năm 2014.
46		54/BB-HĐQT	31/10/2014	Biên bản họp HĐQT Cty cổ phần Cảng Quy Nhơn
47		55/BC-CQN	17/11/2014	Báo cáo quá trình giao dịch cổ phiếu quỹ
48		56/QĐ-HĐQT	17/11/2014	Xác định thời điểm và thông qua hồ sơ đăng ký chứng khoán
49		57/TB-CQN	17/11/2014	Đăng ký chứng khoán
50		58/BC-CQN	17/11/2014	Báo cáo quá trình tăng vốn
51		59/CQN-NĐDPVNN	20/11/2014	Thông qua việc phân phối tiền lương dự phòng cho CT HĐQT chuyên trách, T BKS chuyên trách, TV HĐQT, BKS kiêm nhiệm, BDH, KTT Công ty
52		60/CQN-HĐQT	02/12/2014	Lấy ý kiến thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn thực hiện công tác PCCC tại cơ sở: - Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu cho Cảng gồm 02 xe chữa cháy, 01 tàu thủy chữa cháy - Thành lập đội phòng cháy, chữa cháy chuyên ngành tại Cảng Quy Nhơn.
53		61/QĐ-HĐQT	12/12/2014	Quyết định ban hành quy trình công bố thông tin của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
54		62/ KHĐT-CQN	12/12/2014	Về sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán và danh sách người sở hữu chứng khoán chuyển nhượng có điều kiện

55		63/HĐQT-CQN	12/12/2014	Hồ sơ đăng ký chứng khoán lần đầu
56		64/NQ-HĐQT	12/12/2014	Nghị Quyết Hội đồng Quản trị về việc ban hành quy chế lập, thẩm định, quản lý dự án đầu tư Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
57		65/NQ-HĐQT	15/12/2014	Thành lập Đội phòng cháy chữa cháy chuyên ngành tại Cảng Quy Nhơn
58		66/NQ-HĐQT	15/12/2014	Trang bị phương tiện chữa cháy cơ giới

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

HĐQT không điều hành đã thực hiện tốt việc giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác trong việc thực thi các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

T T	Họ và tên và chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu %	Ghi chú
1	Lê Thị Phê – Trưởng BKS	10.300	0,025%	
2	Lê Văn Sỹ – TV BKS	4.500	0,011%	
3	Nguyễn Thành Nam - TVBKS	3.300	0,008%	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2014 Ban kiểm soát đã họp định kỳ 04 lần, thực hiện tốt chức năng như: giám sát HĐQT, Ban điều hành, trong việc quản lý và điều hành Công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê; Thẩm định báo cáo tài chính quý, sáu tháng và một năm; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và Ban điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát năm 2014

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích

3.1.1 Hội đồng quản trị:

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
1	Nguyễn Quý Hà	Chủ tịch HĐQT	927.722.000
2	Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	94.200.000
3	Lê Minh Tiến	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	94.200.000

4	Huỳnh Tấn Quy Nhơn	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.	94.200.000
5	Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT	94.200.000
6	Phạm Xuân Quốc	Thành viên HĐQT	72.000.000
7	Lê Hồng Thái	Thành viên HĐQT	72.000.000

3.1.2. Thù lao của BKS:

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
8	Lê Thị Phê	Trưởng Ban kiểm soát	660.667.167
9	Lê Văn Sỹ	Thành viên BKS	66.725.000
10	Nguyễn Thành Nam	Thành viên BKS	66.725.000

3.1.3. Ban Tổng giám đốc:

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương
1	Nguyễn Hữu Phúc	Tổng Giám đốc	927.722.000
2	Lê Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	660.667.167
3	Huỳnh Tấn Quy Nhơn	Phó Tổng Giám đốc	660.667.167

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ	%/VDL
I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Nguyễn Quý Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	4.900	0,012%
2	Nguyễn Hữu Phúc	Tổng Giám đốc – Thành viên HĐQT	5.800	0,014%
3	Lê Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc – Thành viên HĐQT	5.400	0,013%
4	Huỳnh Tấn Quy Nhơn	Phó Tổng Giám đốc – Thành viên HĐQT	18.200	0,045%
5	Trần Hoài Nam	Giám đốc XN KDDVTH- Thành viên HĐQT	43.900	0,109%
6	Phạm Xuân Quốc	Thành viên HĐQT		
7	Lê Hồng Thái	Thành viên HĐQT		
II. BAN ĐIỀU HÀNH				
8	Nguyễn Kim Toàn	Q. Kế toán trưởng	8.000	0,020%
III. BAN KIỂM SOÁT				
9	Lê Thị Phê	Trưởng Ban kiểm soát	10.300	0,025%

10	Lê Văn Sỹ	Thành viên ban kiểm soát	4.500	0,011%
11	Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban kiểm soát	3.300	0,008%

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Châu Thị Bích	Vợ TV HĐQT	0	0	110.000	0,272%	Mua
2	Công ty CP Đầu tư và khoán sản Hợp Thành	Đại diện phần vốn	5.033.924	12,46%	4.533.924	11,22%	Bán

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong năm Công ty tuân thủ thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị và thực hiện báo cáo, bố thông tin theo định kỳ, bảo đảm tuân thủ các quy định công bố thông tin định kỳ và bất thường...;

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn thuế A&C kiểm toán theo quy định của pháp luật (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính) theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán được đăng tải địa chỉ web công ty <http://www.quynhonport.com.vn> và đính kèm với báo cáo này.

Nơi nhận:

- UBCKNN (để báo cáo);
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCTL, KTTV, TK HĐQT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU PHÚC